TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 6 - 2026
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Hảo.

2. Bà Lê Thị Linh Phượng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh ngày: 19/3/1987; Địa chỉ: Ấp D, xã V, tỉnh Tây Ninh *(có mặt)*.

2. Bị đơn: Ông Đào Công B, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp D, xã V, tỉnh Tây Ninh (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2025 và tại phiên toà nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày:

1. Về hôn nhân: Có tự nguyện kết hôn với ông Đào Công B, có tổ chức lễ cưới vào năm 2005, đến ngày 07/9/2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh). Thời gian đầu chung sống hòa thuận, đến giữa năm 2024 phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong đời sống hàng ngày, sống không hợp nhau, do ông B không quan tâm chăm sóc gia đình, nên bà L và ông B không còn quan hệ vợ chồng từ giữa năm 2024 cho đến nay. Bà L nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đào Công B.

2. Về con chung: Bà L khai, trong quá trình chung sống với ông B, vợ chồng có 02 con chung là Đào Công M, sinh ngày 23/12/2006; giới tính: Nam và Đào Thị Mỹ D, sinh ngày 01/11/2012; giới tính: Nữ. Cháu M đã trưởng thành có cuộc sống tự lập nên không đề cập, còn cháu D thì chưa thành niên nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản: Bà L không yêu cầu giải quyết.

Ông Đào Công B được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Bà Bùi Thị L khởi kiện ông Đào Công B về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa.

+ Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đúng quy định; của Thư ký phiên tòa đúng quy định; của nguyên đơn là đúng quy định, của bị đơn chưa chấp hành.

+ Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- *Về hôn nhân:* Vợ chồng bà L, ông B có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà L và ông B có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu của bà L về việc ly hôn với ông B là có căn cứ chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đào Thị Mỹ D, sinh ngày 01/11/2012; giới tính: Nữ. Xét thấy, cháu D có nguyện vọng sống với bà L. Để đảm bảo quyền chăm sóc về vật chất lẫn tinh thần nên chấp nhận theo yêu cầu của bà L theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con, về nợ chung, tài sản chung:* không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng thủ tục tố tụng và thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đào Công B được triệu tập hợp lệ, nhưng ông B vắng mặt không vì trở ngại khách quan hay vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh) cấp thể hiện họ tên chồng là Đào Công B, sinh năm: 1983 với họ tên vợ là Bùi Thị L1, sinh năm: 1985 được vào sổ bộ kết hôn số 42/2006, quyển số 01 cấp ngày 07/9/2006. Nay được Ủy ban nhân xã V, tỉnh Tây Ninh xác định Bùi Thị L1, sinh năm: 1985 với Bùi Thị L sinh ngày: 19/3/1987 là một người. Như vậy, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa Đào Công B, sinh năm: 1983 với họ tên vợ là Bùi Thị L1, sinh năm: 1985 được vào sổ bộ kết hôn số 42/2006, quyển số 01 cấp ngày 07/9/2006 được xác định họ tên vợ là Bùi Thị L, sinh ngày 19/3/1987.

Quan hệ hôn nhân giữa bà L với ông B là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng. Bà L khai do đời sống chung không hợp nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn làm mất đi tình nghĩa vợ chồng, vì ông B không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng không còn yêu thương nhau, đã xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ giữa năm 2025 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L với ông B không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, bà L yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, bà L được ly hôn với ông B.

[3] Về con chung: Bà L khai quá trình chung sống với Đào Công B, vợ chồng có 02 con chung là Đào Công M, sinh ngày 23/12/2006; giới tính: Nam và Đào Thị Mỹ D, sinh ngày 01/11/2012; giới tính: Nữ. Cháu M đã trưởng thành có thể có cuộc sống tự lập nên không đề cập đến, còn cháu D thì chưa thành niên nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D. Xét thấy, Cháu M sinh năm 2006 đã trưởng thành nên không đề cập, còn cháu D có nguyện vọng với bà L. Để ổn định tinh thần và theo nguyện vọng của cháu D thì cần giao cháu D để bà L nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu nên không đề cập đến.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Bùi Thị L phải chịu 300.000

đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự ngày 25/6/2025;

Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Đào Công B.

2. Về con chung:

Ông Đào Công B có nghĩa vụ giao con Đào Thị Mỹ D, sinh ngày 01/11/2012; Giới tính: Nữ cho bà Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Ông B không trực tiếp nuôi dưỡng con, nhưng ông B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản ông B thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0015950 ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đào Công B không phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/ Khu vực 9;
- Thi hành án dân sự tỉnh;
- Phòng THA dân sự khu vực 9;
- Các đ/s;
- UBND xã Vĩnh Thạnh;
- Lưu hồ sơ; lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Hựu